



PHIẾU TỔNG HỢP NỘI DUNG BÀI HỌC

LỚP 2, CHƯƠNG TRÌNH TIẾNG ANH EOW

Unit 4: Animals

(Bài 4: Động vật)

I. Lesson objectives (Mục tiêu bài học)

- To review identifying and introducing some animals and things in nature. (Ôn tập nhận biết và giới thiệu về các con vật và những thứ trong tự nhiên)
- To practice asking and answering about actions that animals do (Thực hành hỏi đáp về những hành động của các con vật)

II. Lesson content (Nội dung bài học)

1. Vocabulary (Từ Vựng)

Review (Ôn tập)

- | | |
|------------------------------|---------------------------|
| - a lion: con sư tử | - a snake: con rắn |
| - a monkey: con khỉ | - an elephant: con voi |
| - a giraffe: con hươu cao cổ | - a hippo: con hà mã |
| - a zebra: con ngựa vằn | - a crocodile: con cá sấu |

New words (Từ mới)

- | | |
|---------------------------|----------------|
| - a frog : con ếch | - run : chạy |
| - water : nước | - walk : đi bộ |
| - grass : cỏ | - drink : uống |
| - a tree : cây cối | - eat : ăn |
| - a river : con sông | - lie : nằm |
| - a leaf : chiếc lá | - sleep : ngủ |
| - leaves : những chiếc lá | |

2. Structures (Cấu trúc câu)

- This is a/an _____. (Đây là một....)
- Is the lion eating? (Con sư tử đang ăn phải không?)
 - Yes, it is. (Vâng, đúng vậy)

- No, it isn't. It's drinking. (*Không, không phải vậy. Nó đang uống.*)
- The giraffe is eating leaves. (*Con hươu cao cổ đang ăn lá cây.*)

3. Homelink (Dặn dò về nhà)

- Các con học thuộc và luyện viết từ vựng.
- Luyện nói từ vựng và cấu trúc
- Luyện tập/ thực hành những bài tập còn lại con chưa hoàn thiện trên lớp trang 28,29 trong sách TLBT.

Trân trọng cảm ơn sự quan tâm tạo điều kiện của các Thầy/Cô và Quý vị PHHS trong việc đồng hành cùng con vui học